

Số: 39/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

### Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,*

*Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.*

#### **Điều 1. Vị trí và chức năng**

1. Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam là tổ chức trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, thực hiện chức năng quản lý nhà nước trực tiếp đối với Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam (tổ chức tương đương Tổng cục) có tư cách pháp nhân, sử dụng con dấu hình Quốc huy, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và ngân hàng; là đầu mối kế hoạch đầu tư và ngân sách trực thuộc Trung ương (đơn vị dự toán cấp I), được quyết định thu, chi ngân sách thuộc các lĩnh vực đầu tư phát triển, hành chính sự nghiệp, các chương trình mục tiêu và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn**

Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng, trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đề trình Thủ tướng Chính phủ quyết định phê duyệt hoặc ban hành:

a) Quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và dài hạn đối với Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;

b) Cơ chế, chính sách ưu đãi đối với Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam phù hợp với điều kiện phát triển thực tế trong từng thời kỳ.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch phê duyệt hoặc ban hành:

a) Các dự án đầu tư nhóm A đầu tư bằng ngân sách nhà nước thuộc Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Quy chế tổ chức và hoạt động; các quy chế về quản lý và khai thác Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

3. Về quản lý quy hoạch:

a) Chỉ đạo lập, phê duyệt, quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch chi tiết các khu chức năng tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;

b) Cấp, điều chỉnh, thu hồi các chứng chỉ quy hoạch xây dựng đối với các dự án tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

4. Về quản lý đầu tư, xây dựng:

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật;

b) Quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách nhà nước đầu tư tại Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam; áp dụng và quyết định lựa chọn các đơn vị tham gia xây dựng Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo các hình thức BOT, BTO, BT;

c) Cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, thu hồi các giấy phép, giấy chứng nhận sau đây theo quy định của pháp luật:

- Giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án đầu tư vào Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư;

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân thành lập và quản lý doanh nghiệp trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;

- Giấy phép xây dựng công trình trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;

- Giấy phép lao động cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đến làm việc, hoạt động đầu tư tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;

- Các giấy phép, chứng chỉ khác theo quy định của pháp luật.

d) Quản lý và sử dụng vốn ODA đầu tư cho Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

#### 5. Về quản lý, sử dụng đất:

a) Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được giao đất (gồm cả đất và đất có mặt nước theo quy hoạch được phê duyệt) một lần để xây dựng và phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; được giao lại đất, đất có mặt nước có thu tiền và không thu tiền sử dụng; cho thuê đất, đất có mặt nước, chuyển quyền sử dụng đất, đất có mặt nước và chứng nhận quyền sử dụng đất cho các nhà đầu tư theo quy định của Luật Đất đai;

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện việc đền bù, giải phóng mặt bằng, quản lý đất đai (bao gồm cả mặt nước) thuộc Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam;

c) Chỉ đạo lập và phê duyệt quy hoạch, kế hoạch chi tiết sử dụng đất, mặt nước đối với diện tích đất, mặt nước được giao tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam phù hợp với Quy hoạch chung Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

d) Được phê duyệt giá đất trong khung giá của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; tổ chức đấu thầu về quyền sử dụng đất thuộc phạm vi Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

#### 6. Về quản lý và bảo vệ tài nguyên, môi trường:

a) Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án đầu tư tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

7. Tổ chức quản lý, khai thác:

a) Quản lý thống nhất các hoạt động khai thác, kinh doanh, dịch vụ, sử dụng các công trình đầu tư trên địa bàn Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam; trực tiếp khai thác, kinh doanh và sử dụng các công trình do Nhà nước đầu tư và các công trình do Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao;

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan, các chủ đầu tư đảm bảo an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy và thực hiện nếp sống văn hóa trong quá trình xây dựng và quản lý, khai thác các công trình trong Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

8. Thu, quản lý và sử dụng các loại phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

9. Tổ chức các hoạt động văn hóa, thông tin, nghiên cứu khoa học, sưu tầm, bảo tồn, phổ biến và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc.

10. Được hợp tác, liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước trong các lĩnh vực liên quan đến đầu tư, xây dựng và quản lý, khai thác Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam; được thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dịch vụ tư vấn xúc tiến đầu tư, tư vấn chiến lược về đầu tư, xây dựng và phát triển Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

11. Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, quảng bá, giới thiệu ở trong nước và nước ngoài để thu hút các nguồn vốn đầu tư cho dự án Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam bằng các hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật; tiếp nhận hồ sơ, giải quyết theo thẩm quyền những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình hoạt động tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

12. Quản lý và tổ chức việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động và phát triển Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

13. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, công chức, viên chức và người lao động; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật; xây dựng trình Bộ trưởng Đề án xác định vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

14. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, môi trường, đất đai và các lĩnh vực khác tại Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

15. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

16. Báo cáo định kỳ Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan có liên quan về tình hình triển khai quy hoạch, kế hoạch xây dựng và phát triển Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

17. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao theo quy định của pháp luật.

### **Điều 3. Cơ cấu tổ chức**

1. Văn phòng.
2. Ban Tổ chức cán bộ.
3. Ban Kế hoạch - Tài chính.
4. Ban Quy hoạch, Kiến trúc và Môi trường.
5. Ban Nghiệp vụ văn hoá dân tộc.
6. Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư.
7. Ban Quản lý Khu các làng dân tộc.
8. Trung tâm Thông tin - Dữ liệu.
9. Tạp chí Làng Việt.

Các đơn vị quy định từ Khoản 1 đến Khoản 6 Điều này là các tổ chức giúp Trưởng ban thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các đơn vị quy định từ Khoản 7 đến Khoản 9 là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Trưởng ban Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam quyết định thành lập các Ban Đầu tư và Xây dựng trực thuộc để thực hiện các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

Căn cứ yêu cầu và tình hình thực tế, Trưởng ban Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập mới tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp khác thuộc Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Trưởng ban Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các tổ chức giúp việc và các đơn vị trực thuộc.

Biên chế thuộc bộ máy quản lý hành chính của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao trong tổng biên chế hành chính của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Biên chế sự nghiệp của Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam do Trưởng ban Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam quyết định.

#### **Điều 4. Lãnh đạo**

1. Ban Quản lý Làng Văn hóa - Du lịch các dân tộc Việt Nam có Trưởng ban và không quá 03 Phó Trưởng ban.

2. Trưởng ban và các Phó Trưởng ban do Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động theo quy định của pháp luật.

3. Trưởng ban Ban quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam. Các Phó Trưởng ban chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

#### **Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 95/2008/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Trưởng ban Ban Quản lý Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban QL Làng Văn hoá - Du lịch các dân tộc VN;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b). M **140**

**THỦ TƯỚNG**



**Nguyễn Tấn Dũng**